

CHƯƠNG 5

Gồm có:

1. Chữa người bệnh ở hồ nước Bétdatha (5,1-9).
2. Những sự kiện sau phép lạ (5,10-18).
3. Diễn từ về Chúa Con (5,19-47).

Chữa một người đau ốm ở hồ nước tại Bétdatha 5,1-18

⁽¹⁾Sau đó, nhân dịp lễ của người Do Thái, Đức Giêsu lên Giêrusalem. ⁽²⁾Tại Giêrusalem, gần Cửa Chiên, có một hồ nước, tiếng Hipri gọi là Bétdatha. Hồ này có năm hành lang. ⁽³⁾Nhiều người đau ốm, đui mù, què quặt, bất toại nằm la liệt ở đó, (chờ cho nước động, ⁽⁴⁾vì thỉnh thoảng có thiên thần Chúa xuống hồ khuấy nước lên; khi nước khuấy lên, ai xuống trước, thì dù mắc bệnh gì đi nữa, cũng được khỏi). ⁽⁵⁾Ở đó, có một người đau ốm đã ba mươi tám năm. ⁽⁶⁾Đức Giêsu thấy anh ta nằm đấy và biết anh sống trong tình trạng đó đã lâu, thì nói: "Anh có muốn khỏi bệnh không?" ⁽⁷⁾Bệnh nhân đáp: "Thưa Ngài, tôi không có người đem tôi xuống hồ, khi nước khuấy lên. Lúc tôi tới đó, thì đã có người khác xuống trước mất rồi!" ⁽⁸⁾Đức Giêsu bảo: "Anh hãy chỗi dậy, vác chõng và đi!" ⁽⁹⁾Người ấy liền được khỏi bệnh, vác chõng và bước đi.

Giải thích

I. Bối cảnh (5,1-4)

1. Chúa Giêsu lên Giêrusalem dự lễ (5,1)

Một người Do Thái trưởng thành buộc phải dự ba lễ chính trong năm, đó là lễ Vượt Qua, lễ Ngũ Tuần và Lễ Lều¹. Ở đây, không nói rõ, Chúa Giêsu dự lễ nào.

2. Hồ Bétdatha (5,2-4)

- Hồ Bétdatha, nghĩa là "nhà tình thương".

- Hồ này nằm gần cửa Chiên. Cửa chiên là cửa người ta dẫn chiên vào để chuẩn bị sát tế.

- Hồ này có năm hành lang.

- Có nhiều bệnh nhân tụ tập quanh hồ. Tương truyền, thỉnh thoảng có nước động do thiên thần. Khi nước động, ai xuống hồ trước, dù mang bệnh gì cũng được chữa khỏi.

II. Chúa Giêsu chữa lành người bại liệt (5,5-9)

1. Người bệnh (5,5)

Anh bại liệt đã 38 năm, nghĩa là trong thời gian rất dài anh sống trong đau khổ. Đó cũng là thời gian anh chờ đợi và hy vọng được chữa khỏi, nhưng anh bất lực vì không ai giúp anh.

¹ Luật này chỉ buộc những người đàn ông Do Thái cư ngụ trong vòng 15 dặm quanh Giêrusalem, nhưng rất nhiều người Do Thái từ nơi xa, thậm chí ở nước ngoài trở về dự lễ.

2. Chúa Giêsu (5,6-9)

a. Hỏi người bại liệt: "Anh có muốn được chữa khỏi bệnh không?" (5,6)

Chắc chắn Chúa Giêsu biết rõ khát vọng của người bại liệt, nhưng Ngài cũng muốn chính anh thừa nhận tình trạng bất lực của mình: "Thưa Ngài, không có người đem tôi xuống hồ, khi nước khuấy lên. Lúc tôi tới đó, thì đã có người khác xuống trước mắt rồi" (5,7).

b. Ra lệnh: "Chỗi dậy, vác chõng và bước đi" (5,8)

Chúa Giêsu không đợi người ấy van xin, chỉ cần anh nói lên nỗi bất lực của mình. Ngài ra lệnh để chữa bệnh cho anh. Ba hành động ý nghĩa:

- "Chỗi dậy": Một cử động mà hơn 38 năm anh chưa làm được.

- "Vác chõng": Không chỉ đứng lên mà còn đầy đủ sức mạnh. Trước đây, anh phải sống nương nhờ cái chõng, bây giờ anh không cần nó nữa.

- "Bước đi": Trước đây, anh phải nhờ người khác mang anh đi, bây giờ tự anh bước đi và bước đi cách mạnh mẽ.

c. Kết quả (5,9): Lập tức xảy ra đúng như lệnh truyền của Chúa Giêsu: "Người ấy liền được khỏi bệnh, vác chõng và bước đi".

Bài học

Anh bại liệt đã 38 năm chờ đợi sự giúp đỡ của một ai đó để mang anh xuống hồ hầu được chữa khỏi bệnh, nhưng anh thất vọng vì chẳng có ai giúp anh. Chỉ khi Chúa Giêsu đến và chỉ có Ngài mới mang cho anh niềm hy vọng là chữa anh khỏi bệnh.

Rất nhiều lần chúng ta gặp khó khăn, trong đời sống thể lý cũng như thiêng liêng. Chúng ta trông chờ sự trợ giúp của người khác. Chúng ta tìm nương tựa vào thế lực của trần gian này. Cũng như anh bại liệt, chỉ có Chúa Giêsu mới mang đến cho chúng ta niềm hy vọng và giải cứu chúng ta. Vậy, hãy đến với Chúa Giêsu và van xin nơi Ngài.

Những sự kiện xảy ra sau phép lạ (5,9b-18)

Hôm đó lại là ngày Sabát. ⁽¹⁰⁾Người Do Thái mới nói với kẻ được khỏi bệnh: "Hôm nay là ngày Sabát, anh không được phép vác chõng!" ⁽¹¹⁾Nhưng anh đáp: "Chính người chữa tôi khỏi bệnh đã nói với tôi: 'Anh hãy vác chõng và đi!'" ⁽¹²⁾Họ hỏi anh: "Ai là người đã bảo anh: 'Vác chõng và đi?'" ⁽¹³⁾Nhưng người đã được khỏi bệnh không biết là ai. Quả thế, Đức Giêsu đã lánh đi, vì có đám đông ở đấy. ⁽¹⁴⁾Sau đó, Đức Giêsu gặp người ấy trong Đền Thờ và nói: "Này, anh đã được khỏi bệnh. Đừng phạm tội nữa, kẻo lại phải khốn hơn trước!" ⁽¹⁵⁾Anh ta đi nói với người Do Thái: Đức Giêsu là người đã chữa anh khỏi bệnh. ⁽¹⁶⁾Do đó, người Do Thái chống đối Đức Giêsu, vì Người hay chữa bệnh ngày Sabát. ⁽¹⁷⁾Nhưng Đức Giêsu đáp lại: "Cho đến nay, Cha tôi vẫn làm việc, thì tôi cũng làm việc". ⁽¹⁸⁾Bởi vậy, người Do Thái lại càng tìm cách giết Đức Giêsu, vì không những Người phá luật Sabát, lại còn nói Thiên Chúa là Cha của mình, và như thế là tự coi mình ngang hàng với Thiên Chúa.

Giải thích

Vì Chúa Giêsu chữa người bại liệt vào ngày Sabát nên có vài rắc rối xảy ra cho Ngài từ phía những người Do Thái.

I. Anh bại liệt gặp người Do Thái lần 1 (5,9b-13)

1. Người Do Thái (5,10)

Họ trách móc người bại liệt vì anh vác chõng mà đi. Đó là việc không được phép làm trong ngày Sabát. Sau khi người bại liệt trả lời rằng anh làm theo lệnh của người chữa anh khỏi, thì họ còn muốn biết người ấy là ai để phản đối. Họ là những người rất khắt khe và tàn nhẫn khi thực thi những lễ nghi tôn giáo mà thiếu lòng bác ái, yêu thương.

2. Người bại liệt (5,11-13)

- Anh mạnh dạn trả lời là làm theo lệnh của người chữa anh khỏi bệnh. Anh vâng lời Đấng ấy hơn là những người Do Thái.

- Anh chưa biết rõ Đấng ấy là ai, vì Chúa Giêsu "*lánh đi*". Tuy nhiên, anh bại liệt nói lên lòng biết ơn và vâng phục của mình.

II. Anh bại liệt gặp lại Chúa Giêsu (5,14)

- Người bại liệt gặp lại Chúa Giêsu trong đền thờ. Có lẽ anh vào đền thờ để tạ ơn Chúa.

- Chúa Giêsu bảo: "*Anh được chữa khỏi bệnh, đừng phạm tội nữa*". Theo quan niệm của người Do Thái, bệnh tật thuộc thế giới của Satan. Được chữa khỏi bệnh còn có nghĩa là được giải phóng khỏi tình trạng tội lỗi. Chúa Giêsu không chỉ chữa anh khỏi bệnh phần xác mà cả phần hồn. Ngài khuyên anh hãy sống tốt hơn.

III. Anh bại liệt gặp người Do Thái lần 2 (5,15-16)

1. Anh bại liệt (5,15)

Khi biết rõ người chữa anh khỏi bệnh là Chúa Giêsu, thì anh đi báo cho những người Do Thái. Thái độ của anh có ý nghĩa gì? Đó là hành động vô ơn? hay hành động làm chứng?

- *Hành động vô ơn?* Có người cho rằng anh vô ơn khi đi báo cho người Do Thái để họ chống đối Chúa Giêsu. Chắc chắn không phải vì lý do này.

- *Hành động làm chứng?* Có người cho rằng đây là thái độ của một người làm chứng. Khi gặp được Chúa Giêsu và nhận ra Ngài là người chữa anh khỏi, anh liền làm chứng về Ngài trước những người Do Thái. Hành động của anh giống như Anrê và Philipphê trước đây. Đây là giải thích thuyết phục.

2. Người Do Thái (5,16)

Họ biết rõ người ra lệnh anh bại liệt vác chõng vi phạm ngày Sabát chính là Chúa Giêsu. Họ cũng kết án cả Ngài nữa vì Ngài chữa bệnh trong ngày này. Vì thế, họ chống đối Ngài.

IV. Thái độ của người Do Thái đối với Chúa Giêsu (5,17-18)

1. Chúa Giêsu: "*Cha tôi vẫn làm việc, thì tôi cũng làm việc*" (5,17)

Câu trả lời của Chúa Giêsu khẳng định:

- Ngài làm việc trong ngày Sabát là làm giống như Thiên Chúa chứ không phải tự mình mà làm.

- Thiên Chúa luôn làm việc: Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ sáu ngày, và ngày thứ bảy Người nghỉ ngơi. Tuy nhiên, Thiên Chúa vẫn luôn làm việc, không phải là việc tạo dựng, mà là *việc bảo vệ và yêu thương tạo vật*. Công việc này, Thiên Chúa làm liên li và đó cũng là việc mà Chúa Giêsu tiếp tục. Chữa lành cho người bại liệt mà Chúa Giêsu vừa thực hiện chính là một việc làm đầy yêu thương của Thiên Chúa.

2. Người Do Thái (5,18)

Họ chẳng những chống đối Chúa Giêsu mà còn tìm cách giết Ngài nữa vì hai lý do:

- Ngài vi phạm luật ngày Sabát.

- Ngài tự xưng mình là Con Thiên Chúa, đó là lời nói phạm thượng. Sau này, trước Thượng Hội Đồng Do Thái, nhiều người cũng tố cáo Chúa Giêsu phạm thượng vì tự xưng mình là Con Thiên Chúa.

Sự chống đối này là tiền đề để Chúa Giêsu trình bày diễn từ rất dài về tương quan giữa Ngài và Chúa Cha, được nói trong đoạn sau.

Bài học

Những người Do Thái quá câu nệ vào lề luật, quá chú trọng đến lễ nghi bên ngoài mà đóng kín con tim trước Thiên Chúa và tha nhân. Thái độ ấy làm cho họ không nhận ra Chúa Giêsu là Đấng Thiên Chúa sai đến, thậm chí còn tìm cách giết hại Ngài. Thái độ ấy làm cho họ lên án người bại liệt thay vì vui mừng cho người anh em vừa được chữa khỏi.

- Giữ lề luật là tốt, nhưng chỉ thật sự tốt khi tuân giữ lề luật làm cho chúng ta ngày càng gần gũi Chúa và yêu mến tha nhân nhiều hơn.

- Con người phải thể hiện lòng yêu thương của Thiên Chúa, đó là lòng yêu thương không bao giờ ngưng nghỉ. Có thể tạm gác những công việc khác, nhưng công việc nhân từ, thương xót thì chẳng bao giờ có thể gác lại.

Diễn từ về công việc của Chúa Con 5,19-47

⁽¹⁹⁾Đức Giêsu lên tiếng nói với họ rằng: "Thật, tôi bảo thật các ông: Người Con không thể tự mình làm bất cứ điều gì, ngoại trừ điều Người thấy Chúa Cha làm; vì điều gì Chúa Cha làm, thì người Con cũng làm như vậy.

⁽²⁰⁾Quả thật, Chúa Cha yêu người Con và cho người Con thấy mọi điều mình làm, lại sẽ còn cho người Con thấy những việc lớn lao hơn nữa, khiến chính các ông cũng phải kinh ngạc. ⁽²¹⁾Chúa Cha làm cho kẻ chết chỗi dậy và ban sự sống cho họ thế nào, thì người Con cũng ban sự sống cho ai tùy ý.

⁽²²⁾Quả thật, Chúa Cha không xét xử một ai, nhưng đã ban cho người Con mọi quyền xét xử, ⁽²³⁾để ai nấy đều tôn kính người Con như tôn kính Chúa Cha. Kẻ nào không tôn kính người Con, thì cũng không tôn kính Chúa Cha, Đấng đã sai người Con.

⁽²⁴⁾Thật, tôi bảo thật các ông: ai nghe lời tôi và tin vào Đấng đã sai tôi, thì có sự sống đời đời và khỏi bị xét xử, nhưng đã từ cõi chết bước vào cõi sống.

⁽²⁵⁾Thật, tôi bảo thật các ông: giờ đã đến - và chính là lúc này đây - giờ các kẻ chết nghe tiếng Con Thiên Chúa; ai nghe thì sẽ được sống.

⁽²⁶⁾Quả thật, Chúa Cha có sự sống nơi mình thế nào, thì cũng ban cho người Con được có sự sống nơi mình như vậy, ⁽²⁷⁾lại ban cho người Con được quyền xét xử, vì người Con là Con Người.

⁽²⁸⁾Các ông chớ ngạc nhiên về điều này, vì giờ đã đến, giờ mọi kẻ ở trong mộ sẽ nghe tiếng người Con ⁽²⁹⁾và sẽ ra khỏi đó: ai đã làm điều lành, thì sẽ sống lại để được sống; ai đã làm điều dữ, thì sẽ sống lại để bị kết án. ⁽³⁰⁾Tôi không thể tự ý mình làm gì. Tôi xét xử theo

như tôi được nghe, và phán quyết của tôi thật công minh, vì tôi không tìm cách làm theo ý riêng tôi, nhưng theo ý Đấng đã sai tôi.

⁽³¹⁾Nếu tôi làm chứng về chính mình, thì lời chứng của tôi không thật. ⁽³²⁾Có Đấng khác làm chứng về tôi và tôi biết: lời Người làm chứng về tôi là lời chứng thật.

⁽³³⁾Chính các ông đã cử người đến gặp ông Gioan, và ông ấy đã làm chứng cho sự thật.

⁽³⁴⁾Phần tôi, tôi không cần lời chứng của một phạm nhân, nhưng tôi nói ra những điều này để các ông được cứu độ. ⁽³⁵⁾Ông Gioan là ngọn đèn cháy sáng, và các ông đã muốn vui hưởng ánh sáng của ông trong một thời gian.

⁽³⁶⁾Nhưng phần tôi, tôi có một lời chứng lớn hơn lời chứng của ông Gioan: đó là những việc Chúa Cha đã giao cho tôi để tôi hoàn thành; chính những việc tôi làm đó làm chứng cho tôi rằng Chúa Cha đã sai tôi.

⁽³⁷⁾Chúa Cha, Đấng đã sai tôi, chính Người cũng đã làm chứng cho tôi. Các ông đã không bao giờ nghe tiếng Người, cũng chẳng bao giờ thấy tôn nhan Người. ⁽³⁸⁾Các ông không giữ lời Người ở lại trong lòng, bởi vì chính các ông không tin vào Đấng Người đã sai đến. ⁽³⁹⁾Các ông nghiên cứu Kinh Thánh, vì nghĩ rằng trong đó các ông sẽ tìm được sự sống đời đời. Mà chính Kinh Thánh lại làm chứng về tôi. ⁽⁴⁰⁾Các ông không muốn đến cùng tôi để được sự sống.

⁽⁴¹⁾Tôi không cần người đời tôn vinh. ⁽⁴²⁾Nhưng tôi biết: các ông không có lòng yêu mến Thiên Chúa. ⁽⁴³⁾Tôi đã đến nhân danh Cha tôi, nhưng các ông không đón nhận. Nếu có ai khác nhân danh mình mà đến, thì các ông lại đón nhận.

⁽⁴⁴⁾Các ông tôn vinh lẫn nhau và không tìm kiếm vinh quang phát xuất từ Thiên Chúa duy nhất, thì làm sao các ông có thể tin được?

⁽⁴⁵⁾Các ông đừng tưởng là tôi sẽ tố cáo các ông với Chúa Cha. Kẻ tố cáo các ông chính là Môsê, người mà các ông tin cậy. ⁽⁴⁶⁾Vì nếu các ông tin ông Môsê, thì hẳn các ông cũng tin tôi, bởi lẽ ông ấy đã viết về tôi. ⁽⁴⁷⁾Nhưng nếu các ông không tin các điều ông ấy viết, thì làm sao tin được lời tôi nói?"

Giải thích

Diễn từ này gồm hai phần chính:

- Sự hiệp nhất giữa Chúa Cha và Chúa Con trong hoạt động (5,19-30).
- Việc làm chứng cho Chúa Con (5,31-47).

I. Sự hiệp nhất giữa Chúa Cha và Chúa Con trong hoạt động (5,19-30)

Sự hiệp nhất này được thể hiện trong hai hoạt động chính: *ban sự sống* và *xét xử*.

1. Khẳng định (5,19-20)

Chúa Giêsu khẳng định lại:

- Ngài không tự mình mà làm, nhưng chỉ làm những gì Chúa Cha đã làm: "Vì điều gì Chúa Cha làm, thì người Con cũng làm như vậy" (5,19).

- Ngài làm giống như Chúa Cha vì Chúa Cha đã yêu thương Ngài và cho Ngài thấy mọi điều Chúa Cha đã làm: "Chúa Cha yêu thương người Con và cho người Con thấy mọi điều mình làm" (5,20).

2. Việc làm thứ nhất: Ban sự sống (5,21.24.28-29)

Về việc làm này, Chúa Giêsu khẳng định:

a. Nguồn sự sống (5,26)

Cũng như Chúa Cha, Chúa Con tự hữu và chính là nguồn sự sống: "*Chúa Cha có sự sống nơi mình thế nào, thì cũng ban cho người Con được có sự sống nơi mình như vậy*".

b. Làm cho kẻ chết sống lại (5,21)

Cũng như Chúa Cha, Chúa Con có quyền năng làm cho kẻ chết sống lại: "*Chúa Cha làm cho kẻ chết chỗi dậy thế nào và ban sự sống cho họ thế nào, thì người Con cũng ban sự sống cho ai tùy ý*". Chúa Giêsu làm cho Ladarô sống lại là một bằng chứng rõ ràng (x. Ga 11,1-44).

c. Ban sự sống đời đời cho những ai tin vào người Con (5,24.28-29): "*Ai nghe lời tôi và tin vào Đấng đã sai tôi, thì có sự sống đời đời*" (5,24); "*ai làm điều dữ thì sẽ sống lại để bị kết án*" (5,29).

3. Việc làm thứ hai: Xét xử (5,22.27.30)

- Chúa Cha trao quyền xét xử cho Người Con: "*Chúa Cha không xét xử một ai, nhưng đã ban cho người Con mọi quyền xét xử*" (5,22).

- Ngay cả việc xét xử, Chúa Con cũng không làm cách tự ý mà thi hành theo ý của Chúa Cha, đó là phán quyết công minh: "*Tôi xét xử theo như tôi được nghe, và phán quyết của tôi thật công minh, vì tôi không tìm cách làm theo ý riêng tôi, nhưng theo ý Đấng đã sai tôi*" (5,30).

II. Làm chứng cho Chúa Con (5,31-47)

Phần hai của diễn từ nói về các nhân chứng cho Chúa Con. Có 4 nhân chứng sau đây:

1. Chúa Cha (5,32.37-38)

Nhân chứng thứ nhất cho Người Con chính là Chúa Cha: "*Chúa Cha, Đấng đã sai tôi, chính Người cũng đã làm chứng về tôi*" (5,37), và "*lời Người chứng về tôi là lời chứng thật*" (5,32).

Lời chứng của Chúa Cha khi nào? Có thể kể hai biến cố quan trọng:

a. Biến cố phép rửa ở sông Giođan

Khi Chúa Giêsu chịu phép rửa, có tiếng từ trời phán: "*Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người*" (Mt 3,17).

b. Biến cố hiển dung trên núi Tabor

Khi Chúa Giêsu hiển dung trên núi Tabor, cũng có tiếng từ trời phán: "*Đây là Con Ta, người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe Lời Người*" (Lc 9,35).

2. Gioan Tẩy Giả (5,33-35)

Nhân chứng thứ hai là Gioan Tẩy Giả.

- Ngay từ đầu Tin mừng, Gioan Tẩy Giả được giới thiệu là người được Thiên Chúa sai đến để làm chứng cho Ánh Sáng để nhờ ông mà mọi người tin (1,7).

- Gioan Tẩy Giả cũng giới thiệu Chúa Giêsu cho các môn đệ: "*Đây là Chiên Thiên Chúa*" (1,36).

- Ngay cả với những người Do Thái, Gioan cũng làm chứng cách rõ ràng: "*Có người đến sau tôi nhưng trội hơn tôi, vì có trước tôi*" (1,30), Đấng ấy "*là Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian*" (1,29).

3. Các việc của Chúa Con (5,36)

Nhân chứng thứ ba là các việc Chúa Giêsu đã làm. Chính những việc đó chứng tỏ Ngài chính là Đấng được Thiên Chúa sai đến: "*Tôi có một lời chứng lớn hơn lời chứng của ông Gioan, đó là những việc Chúa Cha đã trao phó cho tôi để tôi hoàn thành*". Các việc đó là gì?

- Đó là những phép lạ. Ngài chữa lành các bệnh nhân, hóa nước thành rượu, trừ quỷ, cho kẻ chết sống lại... Ngài không những là Đấng có quyền năng làm những phép lạ ấy mà còn là Đấng trao ban quyền năng ấy cho các môn đệ.

- Đó là những lời rao giảng của Ngài về Nước Thiên Chúa và mời gọi người ta đón nhận để được sự sống đời đời.

- Đó chính là cái chết và phục sinh của Ngài. Ngài đến để chu toàn kế hoạch Thiên Chúa trao phó, kế hoạch cứu độ nhân loại.

4. Thánh Kinh-Môsê (5,39-47)

a. Nhân chứng thứ tư là Thánh Kinh

- Chính Thánh Kinh làm chứng về Chúa Giêsu như chính Ngài đã từng nói: "*Thầy đã từng nói với anh em rằng tất cả những gì sách Luật Môsê, các sách Ngôn Sứ và các Thánh vịnh đã chép về Thầy đều phải được ứng nghiệm*" (Lc 24,44).

- Chính Môsê cũng làm chứng như lời Thiên Chúa đã nói với ông: "*Từ giữa anh em của chúng, Ta sẽ cho xuất hiện một ngôn sứ như người để giúp chúng. Ta sẽ đặt những lời của Ta trong miệng người ấy, và người ấy sẽ nói với chúng tất cả những gì Ta truyền cho người*" (Đnl 18,18). Đấng mà Thiên Chúa nói ở đây chính là Đức Kitô.

b. Người Do Thái

Họ nghiên cứu Thánh Kinh nhưng lại không tin vào Chúa Giêsu dù Thánh Kinh làm chứng về Ngài. Tại sao?

- Vì họ không muốn đến với Ngài: "*Các ông không muốn đến cùng tôi để được sống đời đời*" (5,40).

- Vì họ không có lòng yêu mến Thiên Chúa, nghĩa là họ yêu bản thân mình hơn yêu Thiên Chúa: "*Các ông không có lòng yêu mến Thiên Chúa*" (5,42).

- Vì họ tìm sự tán dương của nhau chứ không phải của Thiên Chúa: "*Các ông tôn vinh lẫn nhau và không tìm kiếm vinh quang phát xuất từ Thiên Chúa*" (5,44).

- Vì họ không tin Môsê nên họ cũng chẳng tin Đấng mà Môsê đã tiên báo: "*Nếu các ông tin Môsê thì hẳn các ông cũng tin tôi*" (5,46).

Bài học

Chúa Giêsu là hiện thân của Thiên Chúa. Hành động và lời nói của Ngài đều xuất phát từ Thiên Chúa và nói về Thiên Chúa. Ngài đến để nói cho chúng ta biết về Thiên Chúa. Những việc Ngài làm để chứng minh Ngài đến từ Thiên Chúa và cũng là bày tỏ lòng yêu thương của Thiên Chúa.

Thái độ cần có của con người chính là đón nhận Ngài bằng cách tin vào Ngài. Tin vào Ngài là sống và làm theo những gì Ngài đã dạy.

1. Có người nói: "**Tôi có đức tin**". Có lẽ, đức tin của giấy khai sinh chứ không phải đức tin của đời sống. Nhiều người nói "**tôi tin**", nhưng ít người sống theo đức tin.

Còn chúng ta? Chúng ta có sống theo đức tin chưa? **"Đừng bao giờ mãn nguyện với một đức tin lý thuyết và hình thức, nhưng phải sống một đức tin chân thực, thiết ái và trung thành"** (ĐHV 280).

2. Ngày nay, không ai bắt chúng ta chối Chúa, nhưng có thể chúng ta đi ngược lại đường lối của Chúa. Vì vậy, chúng ta phải can đảm sống đức tin hằng ngày, như các thánh tử đạo can đảm chết để giữ đức tin. Hãy thành thực và khiêm tốn cầu xin như các Tông đồ: **"Xin thêm đức tin cho chúng con"** (Lc 17,5).